

ĐỘNG THÁI CỦA CẤU TRÚC XÃ HỘI VÀ THUYẾT CẤU TRÚC HOÁ CỦA ANTHONY GIDDENS

LÊ NGỌC HÙNG¹

Đặt vấn đề

Trong sinh vật học, khái niệm cấu trúc (*Structure*) được sử dụng để nói về cấu tạo của một thực thể như tế bào, mô, cơ quan, cơ thể. Cấu trúc gồm những thành phần có những chức năng nhất định nhằm đảm bảo cho một thực thể có khả năng tồn tại và thích nghi với môi trường sống của nó. Ví dụ, cấu trúc của mắt đảm bảo thực hiện chức năng “nhìn” và cấu trúc của tai đảm bảo thực hiện chức năng “nghe” của một cơ thể động vật.

Trong ngôn ngữ học, cấu trúc được sử dụng để phân tích ngôn ngữ và lời nói: mỗi một câu nói có một cấu trúc ngữ pháp nhất định, trong đó mỗi một ký hiệu đều có vị trí và chức năng được xác định bởi quy tắc hay cấu trúc nhất định mà nhà nghiên cứu cần phải phát hiện và diễn đạt thành những công thức hay những khuôn mẫu².

Theo học thuyết Marx, cấu trúc xã hội (thường được dịch là cơ cấu xã hội) là cấu trúc xã hội - giai cấp với mối quan hệ chủ yếu là quan hệ đấu tranh diễn ra giữa những giai cấp thống trị và những giai cấp bị trị. Cấu trúc xã hội - giai cấp do phương thức sản xuất và trao đổi quyết định, vì vậy, cần tìm nguyên nhân của mọi sự biến đổi của cấu trúc xã hội trong sự biến đổi ở các yếu tố cấu thành nên phương thức sản xuất và trao đổi³.

Khởi nguồn từ các hướng nghiên cứu này đã hình thành các biến thể khác nhau của thuyết cấu trúc trong xã hội học như thuyết chức năng cấu trúc, thuyết cấu trúc chức năng, thuyết hậu - cấu trúc mà không ít sinh viên chuyên ngành xã hội học còn lúng túng và nhầm lẫn về cả nội dung và phương pháp tiếp cận. Một loại thiếu sót nữa là nhiều sinh viên chỉ quan tâm tới mặt tĩnh của cấu trúc xã hội mà xem nhẹ mặt động thái của nó và chỉ xem xét cấu trúc xã hội như đã được tạo ra, có sẵn mà xem nhẹ quá trình hình thành, vận động và tự tái tạo của nó. Do vậy, để góp phần làm sáng tỏ khái niệm cấu trúc với hai mặt động và tĩnh của nó, bài viết này đặt ra nhiệm vụ giới thiệu thuyết cấu trúc hoá (*theory of structuration*) do nhà xã hội học người Anh là Anthony

¹ PGS.TS, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

² Nhà ngôn ngữ học người Thụy Sĩ tên là Ferdinand de Saussure (1857 - 1913) đã công bố nhiều công trình nghiên cứu quan trọng làm nền tảng cho sự ra đời thuyết cấu trúc trong các khoa học xã hội và nhân văn khác. Theo Saussure, chúng ta khó có thể phát hiện ra cấu trúc hay các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nếu chỉ nghe từ ngữ được phát ra, mà chúng ta cần phải nghiên cứu cả ngôn ngữ và lời nói để phát hiện ra các quy tắc hay cấu trúc của chúng mà con người ngầm hiểu và sử dụng ngôn ngữ và lời nói. Theo Anthony Giddens. *Sociology*. 3rd. Polity Press. 1997. Tr. 563. Xem thêm: Claude Levi-Strauss. “Cấu trúc của thần thoại” trong Hội Khoa học lịch sử Việt Nam. *Những vấn đề nhân học tôn giáo*. Nxb Đà Nẵng. 2006. Tr. 214 - 241.

³ Các Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập. Tập 21*. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội. 1995. Tr. 523.

Giddens¹ đưa ra vào những thập niên cuối thế kỷ 20.

1. Động thái của cấu trúc xã hội

Trong xã hội học, “Cấu trúc” (tiếng Anh vẫn là *Structure* nhưng trong tiếng Việt thường dịch là *Cơ cấu*) được sử dụng trong những trường hợp sau đây: Thứ nhất, “cấu trúc” được dùng làm bổ nghĩa, giải nghĩa cho “Chức năng” trong thuyết “Chức năng cấu trúc” (*Structural Functionalism*). Theo thuyết này, chức năng xã hội của một thành tố xã hội phụ thuộc vào cấu trúc của nó và sự biến đổi về cấu trúc luôn kéo theo sự biến đổi ở chức năng.

Thứ hai, cấu trúc là đối tượng nghiên cứu từ góc độ tiếp cận chức năng luận, nghĩa là có thể căn cứ vào sự biến đổi ở chức năng để giải thích những biến đổi ở cấu trúc. Talcott Parsons đã vận dụng triệt để phương pháp tiếp cận chức năng để đưa ra thuyết hệ thống xã hội. Sơ đồ AGIL nổi tiếng của Parsons cho thấy cấu trúc của một hệ thống xã hội là cấu trúc của các mối quan hệ chức năng giữa bốn tiểu hệ thống tương ứng với bốn chức năng cơ bản là: thích nghi (Adaptation, viết tắt là A), hướng đích (Goal attainment, viết tắt là G), hội nhập (Integration, viết tắt là I) và duy trì các khuôn mẫu lặn (Latent-pattern maintenance, viết tắt là L) của cả hệ thống².

Thứ ba, cấu trúc được sử dụng tương đương với “hệ thống” (*System*) để chỉ một tập hợp gồm các bộ phận gắn kết với nhau theo một kiểu nhất định tạo thành một chỉnh thể xã hội. Ví dụ, Parsons cho rằng có thể coi cấu trúc là hệ thống gồm một tập hợp các hiện tượng phụ thuộc lẫn nhau theo một kiểu nhất định³.

Thứ tư, cấu trúc được sử dụng để gọi tên một lý thuyết xã hội học, cụ thể là “cấu trúc luận” hay “thuyết cấu trúc” (*Structuralism*). Trong xã hội học, thuyết cấu trúc, theo Giddens, chủ yếu bắt nguồn từ những nghiên cứu về cấu trúc ngôn ngữ và tập trung xem xét các quy tắc và các chất liệu tạo nên hệ thống xã hội và hệ thống văn hoá⁴.

Chỉ một số ít nhà nghiên cứu, ví dụ Robert Merton, sử dụng khái niệm cấu trúc một cách mặc định, không cần định nghĩa để bàn về chức năng hiện (nổi) và chức năng lặn (tiềm ẩn)⁵. Còn đa số các nhà xã hội học sử dụng khái niệm “cấu trúc” để nói về mặt “tĩnh tại” của cấu trúc xã hội, tức là các thành phần với các mối liên hệ của chúng tạo thành một “khuôn mẫu”, “kiểu dạng” của một cấu trúc của hiện thực xã hội. Cách hiểu như vậy phù hợp với truyền thống xã hội học do Auguste Comte khởi xướng vào nửa đầu thế kỷ 19. Theo Comte, tĩnh học xã hội là một trong hai bộ phận của xã hội học (bộ phận kia là động học xã hội), có nhiệm vụ nghiên cứu cấu trúc xã hội tức là

¹ Anthony Giddens sinh năm 1938 ở Edmonton, North London là tác giả của hàng chục cuốn sách quan trọng về xã hội học, mà ngay cuốn sách đầu tay đã đưa ông trở thành nhà lý luận xã hội học về Marx, Durkheim và Weber; đó là cuốn sách nổi tiếng tên là “*Capitalism & Modern social theory*” dày 261 trang được xuất bản lần đầu năm 1971 và đến năm 2000 đã được in lại 23 lần! Xem Lê Ngọc Hùng. *Lịch sử & Lý thuyết Xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2008. Tr. 253 - 257.

² Lê Ngọc Hùng. *Sđđ*. Tr. 236.

³ Talcott Parsons. *The Social System*. 2nd Edition. Illinois. Glencoe: The Free Press. 1951. Tr. 26.

⁴ Anthony Giddens. *Sociology*. 3rd. Polity Press. 1997. Tr. 596.

⁵ Robert K. Merton. *On theoretical Sociology*. New York: The Free Press. 1967. Tr. 73-138.

làm rõ thành phần và cấu tạo của cơ thể xã hội¹. Truyền thống này được Emile Durkheim củng cố và phát triển với việc đưa ra quan niệm rằng, giải phẫu học xã hội hay hình thái học xã hội có nhiệm vụ nghiên cứu thành phần và cấu tạo tức là cấu trúc của sự kiện xã hội².

Thực ra, “động” và “tĩnh” là hai mặt đối lập của bất kỳ một hiện tượng xã hội nào và đã được phản ánh qua hai bộ phận cấu thành của tri thức xã hội học là tĩnh học xã hội và động học xã hội như Comte và Durkheim nêu ra. Nhưng các nhà nghiên cứu hiện nay thường vẫn tách biệt mặt tĩnh tại một cách tương đối để phân tích các thành phần tạo nên cấu trúc xã hội mà xem nhẹ mặt động thái của nó.

Vấn đề đặt ra là có nhất thiết phải xem xét cấu trúc xã hội ở mặt động thái của nó hay không? Việc chỉ ra “tính cơ động xã hội” và “chức năng xã hội” có đủ để hiểu cấu trúc xã hội luôn ở trạng thái vận động và biến đổi không? Đây là những câu hỏi cần giải đáp về mặt lý luận và thực tiễn. Một số nhà nghiên cứu này đã nhấn mạnh tính “cơ động xã hội” với nghĩa là tính linh hoạt và khả năng di chuyển của các cá nhân, các nhóm từ vị trí này sang vị trí khác trong cùng một nhóm hay giữa các giai tầng của cấu trúc xã hội. Một số nhà nghiên cứu khác sử dụng thuyết chức năng cấu trúc hay thuyết cấu trúc chức năng như là phương án lý luận để bàn về mối quan hệ giữa mặt động - chức năng và mặt tĩnh - cấu trúc của hệ thống xã hội. Về điều này có thể nêu một ví dụ như sau: khi một cặp vợ chồng sinh đứa con đầu tiên thì “cấu trúc cặp” của gia đình gồm quan hệ giữa hai vợ chồng biến đổi thành “cấu trúc bộ ba”: cùng với quan hệ vợ - chồng là hai cặp quan hệ mới là quan hệ mẹ - con và cha - con xuất hiện, kéo theo chức năng mới là nuôi dưỡng và giáo dục con trong gia đình.

Mặc dù đã có những nỗ lực như vừa nêu, nhưng Anthony Giddens vẫn nhấn mạnh rằng: khái niệm cấu trúc chủ yếu được các nhà xã hội học sử dụng theo nghĩa tĩnh học để chỉ “một cách sắp xếp được định hình ổn định” của các mối liên hệ quan hệ giữa các yếu tố có thể quan sát được³. Giddens đã phát hiện thấy rằng việc áp dụng khái niệm cấu trúc với nghĩa như vậy vào xem xét hiện thực xã hội đã bỏ qua hai điều quan trọng sau đây: một là chưa tính đến sự khác nhau giữa cấu trúc và hệ thống, hai là chưa tính đến yếu tố động của cấu trúc với nghĩa là cấu trúc được tạo ra và được tái tạo. Với phát hiện thứ nhất về mối quan hệ giữa cấu trúc và hệ thống, Giddens cho rằng cần tính đến sự tương tác và phụ thuộc lẫn nhau của cấu trúc và chức năng bởi vì sẽ không thể có cấu trúc đứng im, “chết cứng”, tách rời chức năng hoạt động mà cấu trúc nào cũng tồn tại trong hoạt động, trong chức năng của nó, đồng thời chức năng là thuộc tính của một cấu trúc nhất định. Chính mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau của cấu trúc và chức năng tạo thành hệ thống. Điều này có nghĩa là “cấu trúc” không tương đương với hệ thống mà là một bộ phận của “hệ thống” gồm các bộ phận cấu thành trong đó có cấu

¹ Lê Ngọc Hùng. *Sdd.* Tr. 71.

² Lê Ngọc Hùng. *Sdd.* Tr. 137.

³ Anthony Giddens. *In Defence of Sociology: Essays, Interpretations & Rejoinders*. USA. MA: Cambridge: Blackwell Publishers Inc. 1996. Tr. 96.

trúc và chức năng của nó.

2. Thuyết cấu trúc hoá

Với phát hiện thứ hai vừa nêu ở trên về sự tái tạo của cấu trúc xã hội, Giddens cho rằng các nhà cấu trúc luận đã không giải đáp được vấn đề về mối quan hệ giữa cấu trúc với hành động của một chủ thể tích cực mà không rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan của song đề “khách quan - chủ quan”. Giddens đề xuất một giải pháp lý luận là sáng tạo ra những thuật ngữ mới chưa từng được sử dụng trong thuyết cấu trúc và thuyết chức năng cấu trúc. Đó là thuật ngữ cấu trúc hoá (*Structuration*) và “tính hai mặt của cấu trúc” (*the Duality of Structure*). Hai thuật ngữ này tạo nên cốt lõi của một lý thuyết mới về cấu trúc trong xã hội học đương đại: thuyết cấu trúc hoá (*theory of structuration*).

Khái niệm “cấu trúc”

Trong lý thuyết của mình, Giddens sử dụng thuật ngữ “cấu trúc” để chỉ những nguồn lực (*resources*) và những quy tắc hữu sinh (*generative rules*) được áp dụng trong hành động và tạo thành hành động¹. “Những quy tắc hữu sinh” gồm hai loại quy tắc khác nhau là quy tắc ngữ nghĩa và quy tắc đạo đức. Các quy tắc ngữ nghĩa bao gồm các cú pháp hay ngữ pháp và toàn bộ các quy tắc có sẵn mà phần lớn được hiểu ngầm đang cấu tạo nên các diễn ngôn hàng ngày và giúp con người thông hiểu ý nghĩa của các hành động của nhau². Các quy tắc đạo đức bao gồm bất kỳ một quy tắc nào hay một quy định pháp quy chính thức nào có khả năng tạo ra được sự đánh giá những hành động nào là “tốt” hay “xấu”.

Khái niệm “nguồn lực” được Giddens dùng để chỉ những gì dưới dạng vật chất hay tinh thần mà một nhân vật có thể sử dụng để thực hiện mục tiêu của mình trong quá trình tương tác xã hội. Với nghĩa như vậy, nguồn lực được dùng như là phương tiện để thực thi quyền lực.

Khái niệm “tính hai mặt của cấu trúc”

Theo Giddens, cả quy tắc và nguồn lực đều cần được hiểu như là những phương tiện, mà với nó, đời sống xã hội được sản xuất và tái sản xuất như là quá trình hoạt động đang diễn ra và đồng thời, những phương tiện đó cũng được sản xuất và tái sản xuất bằng chính quá trình hoạt động này. Giddens cho rằng đây chính là nghĩa cơ bản của khái niệm “tính hai mặt của cấu trúc”³. Cấu trúc là nguồn phát sinh của tương tác xã hội nhưng nó cũng chỉ có thể được tạo ra trong chính môi tương tác xã hội đó mà thôi.

Khái niệm “*Cấu trúc hoá*” được Giddens sử dụng để chỉ quá trình phát sinh, vận động và tái tạo các hệ thống của mỗi tương tác xã hội thông qua “tính hai mặt của cấu trúc” hay “tính nhị nguyên của cấu trúc”. Cấu trúc hoá là quá trình tổng tích hợp các quy tắc xã hội và các nguồn lực xã hội mà con người vừa tạo ra và vừa sử dụng trong đời sống.

¹ Anthony Giddens (1996). *Sđd.* Tr. 100.

² Anthony Giddens (1996). *Sđd.* Tr. 100.

³ Anthony Giddens (1996). *Sđd.* Tr. 101.

Thuyết cấu trúc hoá được Giddens đề xuất cho việc nghiên cứu quá trình mà một hệ thống xã hội đã được tạo ra và tái tạo ra như thế nào thông qua việc sử dụng các nguồn lực và các quy tắc phát sinh trong sự tương tác xã hội. Theo Giddens, các hệ thống xã hội là các hệ thống của các tương tác xã hội chứ không phải là cấu trúc mặc dù chúng phải có các cấu trúc. Giddens cho rằng không có cấu trúc xã hội nào tồn tại tách biệt khỏi tính liên tục của quá trình cấu trúc hoá. Qua đó, Giddens chỉ rõ điểm khác biệt cơ bản giữa cấu trúc xã hội với cấu trúc sinh vật: trong đời sống sinh vật, cấu trúc có thể tồn tại độc lập với chức năng.

3. So sánh thuyết cấu trúc hoá và thuyết chức năng

Giddens đã tập trung vào việc so sánh thuyết cấu trúc hoá với thuyết chức năng. Bảng tóm tắt dưới đây cho thấy, so với thuyết chức năng, thuyết cấu trúc hoá sử dụng cùng một số khái niệm như “hệ thống”, “cấu trúc” nhưng với nội dung khác và bổ sung một số khái niệm mới như “sự hội nhập xã hội”, “sự hội nhập hệ thống”.

Theo Giddens, thuyết cấu trúc hoá xuất phát từ khái niệm về sự sản xuất và tái sản xuất của hệ thống xã hội hiểu theo tinh thần của khái niệm “tính hai mặt của cấu trúc”: hành động sản xuất ra xã hội cũng chính là hành động tái sản xuất ra xã hội. Điều này có nghĩa là thuyết cấu trúc hoá không phân tích theo kiểu tách biệt tĩnh học và động học, mặc dù thoạt nhìn có vẻ giống như vậy, như nhiều nhà xã hội học khác vẫn làm. Do vậy, khái niệm chức năng không còn phù hợp với thuyết cấu trúc hoá.

Nhưng thuyết cấu trúc hoá bổ sung khái niệm “hội nhập xã hội” để chỉ sự tương tác trong hệ thống xã hội và khái niệm “hội nhập hệ thống” chỉ sự hội nhập giữa các hệ thống xã hội.

Bảng tóm tắt của Giddens về thuyết chức năng và thuyết cấu trúc hoá

<i>Thuyết chức năng</i>	<i>Thuyết cấu trúc hoá</i>
<i>Các khái niệm cơ bản:</i>	<i>Các khái niệm cơ bản:</i>
<i>Hệ thống</i>	<i>Hệ thống</i>
<i>Cấu trúc</i>	<i>Cấu trúc</i>
<i>Chức năng / Phi chức năng</i>	<i>Cấu trúc hoá</i>
<i>Chức năng trội / Chức năng lặn</i>	<i>Sản xuất và tái sản xuất xã hội</i>
<i>Hệ thống là sự phụ thuộc lẫn nhau của hành động, được xem như là những chuỗi nhân quả tĩnh tại</i>	<i>Hệ thống là sự phụ thuộc lẫn nhau của hành động, được xem như là: (1) những chuỗi nhân quả tĩnh tại, (2) sự tự điều chỉnh qua mỗi liên hệ phản hồi, (3) tự điều chỉnh</i>

<i>Thuyết chức năng</i>	<i>Thuyết cấu trúc hoá</i>
	<i>phản tư</i>
<i>Cấu trúc là khuôn mẫu ổn định của hành động</i>	<i>Cấu trúc là các nguồn lực và các quy tắc phát sinh</i>
<i>Chức năng là sự đóng góp của các bộ phận của hệ thống trong việc thúc đẩy sự gắn kết của hệ thống</i>	<i>Cấu trúc hoá là sự sinh thành các hệ thống của mỗi tương tác thông qua “tính nhị nguyên của cấu trúc”</i>
<i>Phi chức năng là sự đóng góp của các bộ phận của hệ thống trong việc thúc đẩy sự phân rã của hệ thống</i>	
<p><i>Chức năng hiện là sự đóng góp chủ định (được dự định trước) của hành động đối với sự gắn kết của hệ thống</i></p> <p><i>Chức năng ẩn là sự đóng góp không chủ định (không được dự định trước) của hành động đối với sự gắn kết của hệ thống</i></p> <p><i>Sự phân biệt về nguyên tắc cũng tương tự như đối với phi chức năng</i></p>	<i>Sự sản xuất và tái sản xuất ra hệ thống xã hội là sự thực hiện mỗi tương tác trong điều kiện có hạn của sự duy lý hoá hành động</i>
	<p><i>Các khái niệm bổ sung:</i></p> <p><i>Sự hội nhập xã hội/sự hội nhập hệ thống</i></p> <p><i>Mâu thuẫn xã hội/đối kháng xã hội</i></p>

Nguồn : Anthony Giddens (1996). Sđd. Tr. 104

Sự hội nhập ở đây được hiểu là sự gắn kết và cùng biến đổi hay biến đổi lẫn nhau giữa các bộ phận của hệ thống. Trong sự hội nhập xã hội, các bộ phận được hiểu là những người hành động có mục đích. Trong sự hội nhập hệ thống, các bộ phận là các tập thể hay các hệ thống con của các hệ thống xã hội¹, ví dụ như sự

¹ Anthony Giddens (1996). Sđd. Tr. 104

hội nhập của các hệ thống kinh tế trên thế giới. Giddens cho rằng, với việc bổ sung hai khái niệm “hội nhập xã hội” và “hội nhập hệ thống”, có thể giải quyết được những vấn đề khó khăn của mối quan hệ giữa cá nhân và hệ thống mà thuyết chức năng luôn gặp phải, ví dụ khi bàn về hành động của cá nhân trong hệ thống.

Theo Giddens, thuyết cấu trúc hoá cần được bổ sung một cặp khái niệm nữa là “mâu thuẫn xã hội” và “mâu thuẫn hệ thống”. Ông cho rằng cần phân biệt khái niệm “mâu thuẫn về lợi ích” hay “sự phân chia lợi ích” với “mâu thuẫn tích cực” hay “đấu tranh tích cực”. Ông hiểu mâu thuẫn xã hội là sự đối đầu của các cá nhân hay các tập thể trong đó sự đối đầu dẫn đến sự duy lý hoá hành động của một hay cả hai hoặc tất cả các bên liên quan. Sự đối đầu hệ thống được Giddens hiểu là sự bất đồng giữa hai hay nhiều những “nguyên lý của tổ chức” hay những “nguyên lý cấu trúc” điều khiển các mối kết nối giữa các hệ thống xã hội trong một tập thể lớn hơn. Giddens nêu ví dụ¹: mâu thuẫn giữa các nguyên lý cấu trúc của sự phân bổ các đặc điểm lao động của chế độ phong kiến với những nguyên lý của sự cơ động tự do của lao động được kích thích bởi các thị trường tư bản chủ nghĩa mà cả hai nguyên lý này đều đang cùng tồn tại trong một xã hội hậu - phong kiến ở châu Âu.

4. Một số vấn đề đặt ra đối với thuyết cấu trúc hoá

Hệ thống các khái niệm và những luận điểm của thuyết cấu trúc hoá được Giddens nêu ra trong một số công trình nghiên cứu², trong đó quan trọng nhất có lẽ là bài viết về thuyết chức năng đăng trên tạp chí *Lý thuyết chính trị và xã hội* xuất bản năm 1979 và được chọn in thành một chương trong cuốn sách “*Bảo vệ Xã hội học...*” xuất bản năm 1996. Tuy nhiên, trong cuốn sách “*Xã hội học: nhập môn ngắn gọn nhưng phê phán*” xuất bản lần đầu năm 1982 và lần thứ hai năm 1986 của Giddens không thấy thuật ngữ “Cấu trúc hoá”, mặc dù có một số ý tưởng về nó. Ví dụ, Giddens đã viết, rất giống Marx rằng, chúng ta tạo ra xã hội đồng thời chúng ta được tạo ra bởi xã hội; rằng các hệ thống xã hội giống như các toà nhà đang liên tục được tái tạo bởi chính những viên gạch đã tạo ra chúng³. Giddens quan niệm xã hội học như là một lý thuyết phê phán với nhiệm vụ cơ bản là trả lời những câu hỏi, ví dụ như: những loại biến đổi xã hội nào là có tính khả thi và đáng mong đợi? Chúng ta phải làm thế nào để đạt được sự biến đổi đó?⁵

Là một nhà khoa học xã hội tầm cỡ thế giới, Giddens đã nghiên cứu học thuyết Marx và cho rằng cần phải phát triển các quan điểm của Marx trong việc trả lời những câu hỏi này. Theo Marx, các biến đổi xã hội, xét đến cùng đều bắt nguồn từ sự biến đổi kinh tế, từ sự biến đổi ở phương thức sản xuất trong đó sự biến đổi lực lượng sản xuất sẽ kéo theo sự biến đổi ở quan hệ sản xuất tức là ở các hình thức xã hội. Giddens cho

Anthony Giddens (1996). *Sđđ*. Tr. 106.

¹ Anthony Giddens. (1996). *Sđđ*. Tr. 110.

² Anthony Giddens. *Central Problems in Social Theory*. London : Macmillan. 1979 ; Anthony Giddens. *Social Theory and Modern Sociology*. Cambridge: Polity Press and Palo Alto, CA: Stanford University Press. 1988.

³ Anthony Giddens. *Sociology : A brief but critical introduction*. 2nd. Macmillan Press Ltd. 1986. Tr. 11-12.

⁵ Anthony Giddens. (1986). *Sđđ*. Tr. 157.

rằng trong quan điểm của Marx, giới tự nhiên chủ yếu được xem như là phương tiện của sự biến đổi xã hội và sự tiến bộ xã hội, và nếu như vậy thì loài người sẽ phải trả giá đắt cho sự huỷ hoại môi trường sống của mình¹. Một trong những điểm tranh luận nữa mà Giddens nêu ra là sự biến đổi vị trí và vai trò của phụ nữ. Giddens cho rằng Marx và nhất là Engels đã quá nhấn mạnh yếu tố giai cấp trong việc giải thích sự bóc lột và thống trị của giai cấp đàn ông đối với giai cấp đàn bà. Theo Giddens, chế độ nam trị là một biến độc lập cần được giải thích theo cách của nó và không nên quy tất cả sự áp bức, bóc lột xã hội vào sự áp bức, bóc lột giai cấp, bởi nếu như vậy sẽ khó có thể tạo ra sự tiến bộ của phụ nữ trong điều kiện không còn sự đối kháng và bóc lột giai cấp trong xã hội hiện đại².

Thuyết cấu trúc hoá cũng không xuất hiện trong cuốn *Xã hội học* dày 625 trang³ của Giddens xuất bản lần thứ ba năm 1997. Tuy nhiên, trong chương cuối của cuốn sách này, chương 21 bàn về lý thuyết xã hội học Giddens đã chỉ ra bốn song đề hay bốn cặp vấn đề nan giải của lý luận xã hội học là: hành động người - cấu trúc xã hội, đồng thuận - mâu thuẫn, vấn đề giới (bình đẳng giới), trật tự xã hội - biến đổi xã hội trong sự phát triển xã hội hiện đại⁴. Ông đã đánh giá ngắn gọn một số phương án giải quyết từng song đề này và qua đó gợi ra những câu hỏi nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết. Ví dụ, ông cho rằng có thể giải quyết được song đề “hành động-cấu trúc” bằng cách áp dụng khái niệm “tính hai mặt của cấu trúc”, bởi vì khái niệm này coi cấu trúc vừa là phương tiện vừa là sản phẩm của hành động. Một ví dụ khác: khi bàn về song đề “đồng thuận - mâu thuẫn” ông cho rằng bất kỳ một lý thuyết nào quá nhấn mạnh đồng thuận mà xem nhẹ mâu thuẫn hay quá coi trọng mâu thuẫn mà xem nhẹ đồng thuận đều là không phù hợp với xã hội hiện đại. Song đề này cần được xem xét trong mối quan hệ với không chỉ khái niệm “lợi ích kinh tế” và “giai cấp” mà cả khái niệm cơ bản như “quyền lực”, “tư tưởng”, “văn hoá”⁵.

Mặc dù vậy, trong chương bàn về lý thuyết cũng như trong toàn bộ cuốn sách nhập môn xã hội học của mình Giddens không một lần nào nhắc đến “thuyết cấu trúc hoá”. Tại sao? Phải chăng sự thiếu triệt để trong việc giới thiệu thuyết cấu trúc hoá trong một cuốn sách nhập môn xã hội học là dấu hiệu của những thiếu sót trong bản thân thuyết cấu trúc hoá mà Giddens đã nêu ra trước đó? Sự hoài nghi này có thêm một cơ sở nữa là trong toàn bộ cuốn sách này không có chương mục nào tập trung bàn về khái niệm cấu trúc xã hội. Mặc dù trong phần tóm tắt gần 75 thuật ngữ cơ bản của Xã hội học có nêu khái niệm “*cấu trúc xã hội*” với nghĩa là các khuôn mẫu của sự tương tác giữa các cá nhân hay các nhóm⁶ và chương 10 có bàn đến “*cấu trúc giai cấp*” được hiểu là sự phân bố các giai cấp trong xã hội⁷. Đây là điểm khác biệt so với phần lớn các

¹ Thực ra, điều này đã được Engels cảnh báo vào cuối thế kỷ 19!

² Athony Giddens. (1986). *Sđđ*. Tr. 164.

³ Athony Giddens. *Sociology*. 3rd. Polity Press. 1997. 625 trang.

⁴ Athony Giddens. (1997). *Sđđ*. Tr. 566-575.

⁵ Athony Giddens. (1997). *Sđđ*. Tr. 571.

⁶ Athony Giddens. (1997). *Sđđ*. Tr. 585.

⁷ Athony Giddens. (1997). *Sđđ*. Tr. 239.

cuốn nhập môn xã hội học trong đó thường có chương bàn về cấu trúc xã hội với những thành tố cơ bản “hữu hình” và “vô hình” của nó như nhóm, tổ chức, vị thế, vai trò, mạng lưới xã hội, thiết chế xã hội, văn hoá và một số yếu tố khác.

Tóm lại, có thể coi thuyết cấu trúc hoá là một bước phát triển mới về mặt lý luận theo hướng tổng tích hợp trong nghiên cứu vấn đề cơ bản của xã hội học - mối quan hệ giữa con người. Lý thuyết này đã nỗ lực giải quyết những song đề hay các chủ đề cặp của lý luận xã hội học thông qua việc phân tích khái niệm "tính hai mặt của cấu trúc". Với thuyết cấu trúc hoá, có thể nói Giddens đã đề xuất một phương án triển khai theo một cách mới quan điểm của Marx về quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội trong nghiên cứu xã hội học về cấu trúc xã hội.

Các phương án lý luận, kể cả thuyết cấu trúc hoá, giải quyết các song đề xã hội học luôn cho thấy sự cần thiết phải thận trọng khi sử dụng khái niệm "cấu trúc" và các biến thể của thuyết cấu trúc nói riêng và thuyết chức năng nói chung. Đồng thời, tương tự như đối với mỗi một lý thuyết khoa học, thuyết cấu trúc hoá cần được tiếp tục triển khai thành những giả thuyết khoa học để có thể kiểm chứng thông qua các nghiên cứu thực nghiệm; có như vậy lý thuyết này mới thực sự phát triển và ứng dụng sâu rộng trong xã hội học đương đại.

Tài liệu tham khảo chính

1. Anthony Giddens. *Central Problems in Social Theory*. London : Macmillan. 1979
2. Athony Giddens. *Sociology : A brief but critical introduction*. 2nd. Macmillan Press Ltd. 1986.
3. Anthony Giddens. *Social Theory and Modern Sociology*". Cambridge: Polity Press and Palo Alto, CA: Standford University Press. 1988.
4. Anthony Giddens. *In Defence of Sociology : Essays, Interpretatons & Reoinders*. USA. MA: Cambridge: Blackwell Publishers Inc. 1996.
5. Athony Giddens. *Sociology*. 3rd. Polity Press. 1997.
6. Lê Ngọc Hùng. *Lịch sử & Lý thuyết Xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2008.
7. Các Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập. Tập 21*. Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật. Hà Nội. 1995.
8. Robert K. Merton. *On theoretical Sociology*. New York: The Free Prees. 1967.
9. Talcott Parsons. *The Social System*. 2nd Edition. Illinois. Glencoe: The Free Press. 1951.
10. Claude Levi-Strauss. “*Cấu trúc của thần thoại*” trong Hội Khoa học lịch sử Việt Nam. *Những vấn đề nhân học tôn giáo*. Nxb Đà Nẵng. 2006.